



TÀI LIỆU ÔN THI THPT QUỐC GIA TỪ NÓI TRONG TIẾNG ANH LINKING WORDS (TỪ NÓI TRONG TIẾNG ANH)

1. Từ nối trong Tiếng Anh là gì?

- Từ nối trong Tiếng Anh - linking words, hay transitions, là những từ dùng để chỉ dẫn cho người đọc, giúp quá trình ngắt câu, chuyển ý khi đọc văn bản trở nên rõ ràng hơn. Những từ này cũng giúp cho người đọc theo dõi nội dung văn bản cũng như ý tưởng của tác giả dễ dàng hơn.

- Từ nối trong tiếng anh là những từ hoặc cụm từ được sử dụng trong văn viết giúp bài viết Anh văn của bạn trở lên lưu loát, chuyên nghiệp hơn. Từ nối cũng là một phần quan trọng trong câu, nó tạo nên logic trong lời nói và câu văn của bạn khi sử dụng tiếng anh.

2. Cách sử dụng từ nối trong Tiếng Anh (Linking words)

2.1 Because, Because of

Đằng sau Because phải dùng 1 câu hoàn chỉnh nhưng đằng sau Because of phải dùng 1 ngữ danh từ.

Because of = on account of = due to: Do bởi

Nhưng nên dùng due to sau động từ to be cho chuẩn. Ex: The accident was due to the heavy rain.

Dùng as a result of để nhấn mạnh hậu quả của hành động hoặc sự vật, sự việc. Ex: He was blinded as a result of a terrible accident.

2.2 Từ nối chỉ mục đích và kết quả:

Trong cấu trúc này người ta dùng thành ngữ "so that" (sao cho, để cho). Động từ ở mệnh đề sau "so that" phải để ở thời tương lai so với thời của động từ ở mệnh đề chính. Ex: He studied very hard so that he could pass the test.

Phải phân biệt "so that" trong cấu trúc này với so that mang nghĩa do đó (therefore). Cách phân biệt duy nhất là động từ đằng sau so that mang nghĩa do đó diễn biến bình thường so với thời của động từ ở mệnh đề đằng trước. Ex: We heard nothing from him so that (= therefore) we wondered if he moved away.

2.3 Từ nối chỉ nguyên nhân và kết quả: Trong loại từ nối này người ta dùng cấu trúc so/such that = quá, đến nỗi mà và chia làm nhiều loại sử dụng.

Dùng với tính từ và phó từ : Cấu trúc là so that.

Ex: Terry ran so fast that he broke the previous speed record.

Ex: Judy worked so diligently that she received an increase in salary.

Dùng với danh từ số nhiều: Cấu trúc vẫn là so ... that nhưng phải dùng many hoặc few trước danh từ đó. Ex: I had so few job offers that it wasn't difficult to select one.

Dùng với danh từ không đếm được: Cấu trúc vẫn là so ... that nhưng phải dùng much hoặc little trước danh từ đó. Ex: He has invested so much money in the project that he can't abandon it now.

Dùng với tính từ + danh từ số ít: such a ... that. Có thể dùng so theo cấu trúc : so + adj + a + noun ... that. (ít phổ biến hơn) Ex: It was such a hot day that we decided to stay indoors. It was so a hot day that we decided to stay indoors.



Dùng với tính từ + danh từ số nhiều/không đếm được: such ... that. Tuyệt đối không được dùng so. Ex: They are such beautiful pictures that everybody will want one. This is such difficult homework that I will never finish it.

2.4 Một số các từ nối mang tính điều kiện khác.

Even if + negative verb: cho dù. Ex: You must go tomorrow even if you aren't ready.

Whether or not + positive verb: dù có hay không. Ex: You must go tomorrow whether or not you are ready.

Các đại từ nghi vấn đứng đầu câu cũng dùng làm từ nối và động từ theo sau chúng phải chia ở ngôi thứ 3 số ít. Ex: Whether he goes out tonight depends on his girlfriend.

Why these pupils can not solve this problems makes the teachers confused.

Một số các từ nối có quy luật riêng của chúng nếu kết hợp với nhau. And moreover - And in addition And thus - Or otherwise. And furthermore - And therefore But nevertheless - But ... anyway

Nếu nối giữa hai mệnh đề, đằng trước chúng phải có dấu phẩy. Ex: He was exhausted, and therefore his judgement was not very good.

Nhưng nếu nối giữa hai từ đơn thì không Ex: The missing piece is small but nevertheless significant.

Unless + positive = if ... not: Trừ phi, nếu không. Ex: You will be late unless you start at once.

But for that + unreal condition: Nếu không thì

Provided/Providing that: Với điều kiện là, miễn là = as long as Ex: You can camp here providing that you leave no mess.

Suppose/Supposing = What ... if : Giả sử thì sau, Nếu thì sao. Ex: Suppose the plane is late = What (will happen) if the plane is late.

Suppose còn có thể được dùng để đưa ra lời gợi ý. Ex: Suppose you ask him = Why don't you ask him.

Lưu ý thành ngữ: What if I am: Tao thế thì đã sao nào (mang tính thách thức)

If only + S + simple present/will + verb = hope that: hi vọng rằng. Ex : If only he comes in time
Ex : If only he will learn harder for the test next month.

If only + S + simple past/past perfect = wish that(Câu đ/k không thực hiện được) = giá mà Ex: If only he came in time now. If only she had studied harder for that test

If only + S + would + V

Diễn đạt một hành động không thể xảy ra ở hiện tại Ex: If only he would drive more slowly = we wish he drove more slowly.

Diễn đạt một ước muốn vô vọng về tương lai: Ex: If only it would stop raining

Immediately = as soon as = the moment (that) = the instant that = directly: ngay lập tức/ ngay khi mà Ex: Tell me immediatly (=as soon as) you have any news.

3. Các từ nối tiếng anh thông dụng

Những từ nối thông dụng nhất có thể được liệt kê ra theo các nhóm sau:

3.1. Khi so sánh (Comparing things): By contrast / Conversely/ In contrast /On the contrary. Ngược lại: However/ Nevertheless. Tuy nhiên: In spite of: mặc dù / Instead: thay vì Likewise: tương tự như thế,/ Otherwise: mặt khác. On the one hand: mặt này / On the other hand: mặt khác



3.2. Khi khái quát (generalizing): Thông thường, thường thì: As a rule / As usual / For the most part / Ordinarily / Usually: Nói chung, nhìn chung / Generally / In general

3.3. Khi miêu tả quá trình hoặc liệt kê: First, ... : Thứ nhất / Second, ... : Thứ hai / Third, ... : Thứ ba / Next, ... : Sau đây / Then, ... : Tiếp theo / Finally, ... : Cuối cùng

Lưu ý rằng trong tiếng Anh, phần lớn cách diễn đạt thông qua từ First, Second, Third... phổ biến hơn cách dùng Firstly, Secondly, Thirdly... mà chúng ta vẫn thường được biết. Vì thế bạn nên sử dụng cách thứ nhất (First, Second, Third...).

4. Một số từ nối trong tiếng Anh quen thuộc khác

So that: Chúng ta có thể dùng "so that" để nói lên mục đích (lý do của 1 hành động nào đó). "So that" thường đi kèm với "can, could, will hoặc would" Ex: The police locked the door so(that) no-one could get in. Cảnh sát đã đóng cửa vì vậy không ai có thể vào trong. Ngoài ra, chúng ta có thể dùng "to" để miêu tả mục đích trong trường hợp chủ ngữ của mệnh đề chính và mệnh đề chỉ mục đích là một. - Nếu 2 chủ ngữ của 2 mệnh đề khác nhau, chúng ta không được dùng "to" mà phải dùng "so that".

Jack went to England so that he could study engineering.

Jack went to England to study engineering. (NOT for to study)

Jack went to England so that his brother would have some help working in the restaurant.

In order to, so as to: "In order to, so as to" là cách trang trọng, lịch sự để nói về mục đích. Scientists used only local materials, in order to save money.

Thể phủ định: in order not to, so as not to. Ex: The soldiers moved at night, so as not to alarm the villagers. Những người lính đã dời đi vào buổi tối, để không đánh thức dân làng.

For: "For" miêu tả cách một thứ gì đó được sử dụng / This button is for starting the engine. / This is for the lights.

So, such a

"So" được dùng với 1 tính từ hoặc trạng từ

Jim was so tall (that) he hit his head on the ceiling

Jim drove so quickly(that) they reached the station twenty minutes early.

"Such a" được dùng với 1 cụm tính từ + danh từ số ít Ex: Helen is such a busy person(that) she never feels bored. Helen là một con người bận rộn đến nỗi mà cô ấy không bao giờ cảm thấy buồn chán.

So many, so much, so few, so little: So many/few được dùng với danh từ đếm được số nhiều. So much/little được dùng với danh từ không đếm được

Ex: There were so many passengers(that) we couldn't find a seat. / There was so much noise(that) I didn't get to sleep until 3 a.m.

Too/Not enough + to: "Too" được dùng để chỉ cái gì đó quá mức cần thiết. Not enough thì ngược lại. Cả 2 đều đứng trước 1 tính từ + to + mệnh đề so sánh.

The bookcase was too big to get down the stairs.

The bookcase was not small enough to get down the stairs.

Although, though, even though: Although thường được dùng thành "though" trong khi diễn thuyết. Though có thể đứng cuối câu nhưng although thì không thể.

Although I asked her, she didn't come. (speech and writing)

Though I asked her, she didn't come. (speech)



I asked her, (but) she didn't come, though. (speech)

"Even though" thể hiện sự đối lập mạnh hơn "although". Even though I asked her, she didn't come. (which was really surprising)

While, whereas: While and whereas dùng trong các tình huống trang trọng, lịch sự, dùng để so sánh 2 sự việc với nhau và phân tích chúng.

While United were fast and accurate, City were slow and careless.

However, nevertheless: However là cách diễn đạt sự đối lập trong văn viết và nói một cách trang trọng. Nó có thể đứng ở đầu, giữa hoặc cuối câu, và được ngăn cách với câu bởi dấu phẩy (hoặc 1 khoảng dừng trong bài diễn thuyết).

Normally we don't refund money without a receipt. However, on this occasion I'll do it.

Normally we don't refund money without a receipt. On this occasion, however, I'll do it.

"Nevertheless" là một cách nói trang trọng hơn nhiều để thay cho "however". I'm not happy with your work. Nevertheless, I'm going to give you one last chance.

Despite and in spite of: Thường đi kèm với 1 danh từ (hoặc thêm đuôi -ing để thành 1 danh từ), nhưng không phải 1 cấu trúc có đủ chủ, vị ngữ

In spite of the rain, we went out. (Although it was raining, we went out.)

Despite losing, we celebrated. (Although we lost, we celebrate.)

Từ nối nên được đặt ở vị trí đầu câu là tốt nhất vì dễ gây chú ý cho người đọc và đạt hiệu quả chỉ dẫn cao hơn. Bạn có thể tham khảo ví dụ minh họa sau đây:

Researching in reducing emissions, as a rule has provided...

As a rule, researching in reducing emission has provided...

Tuy nhiên khi soạn văn bản, bạn cũng không hoàn toàn bắt buộc phải làm như thế. Từ nối có thể được đặt ở giữa câu, hoặc thậm chí cuối câu tùy hoàn cảnh và mục đích cụ thể, ví dụ như khi bạn muốn nhấn mạnh chẳng hạn.

5. Các Linking words thường được dùng nhiều trong văn nói:

But frankly speaking, .. : thành thật mà nói

It was not by accident that... : không phải tình cờ mà...

What is more dangerous, .. : nguy hiểm hơn là

It is worth noting that : đáng chú ý là

Be affected to a greater or less degree : ít nhiều bị ảnh hưởng

According to estimation,... : theo ước tính,...

According to statistics, : theo thống kê,..

According to survey data,.. theo số liệu điều tra,..

Viewed from different angles, ... : nhìn từ nhiều khía cạnh khác nhau

As far as I know,..... theo như tôi được biết,..

Not long ago ; cách đây không lâu

More recently, ...gần đây hơn,....

What is mentioning is that... điều đáng nói là

There is no denial that... không thể chối cãi là...



To be hard times : trong lúc khó khăn

According to a teacher who asked not to be named,.. theo một giáo viên đề nghị giấu tên,...

I have a feeling that.. tôi có cảm giác rằng...

Make best use of : tận dụng tối đa

In a little more detail : chi tiết hơn một chút

From the other end of the line : từ bên kia đầu dây (điện thoại)

Doing a bit of fast thinking, he said .. sau một thoáng suy nghĩ, anh ta nói...

6. Một số loại từ nổi tiếng anh thường được dùng trong công việc

Apart from và besides thường dùng với nghĩa as well as, hoặc in addition to. Ví dụ:

Apart from Rover, we are the largest sports car manufacturer. / Ngoài Rover, chúng tôi là nhà sản xuất xe thể thao lớn nhất.

Besides Rover, we are the largest sports car manufacturer. / Ngoài Rover, chúng tôi là nhà sản xuất xe thể thao lớn nhất.

Moreover và furthermore bổ sung thêm thông tin cho quan điểm mà bạn đang đưa ra.

Ví dụ: Marketing plans give us an idea of the potential market. Moreover, they tell us about the competition. / Các kế hoạch tiếp thị cho chúng tôi một ý tưởng về thị trường tiềm năng. Hơn nữa, chúng cho chúng tôi biết về sự cạnh tranh.

Summarising (tóm tắt)

In short / In brief / In summary / To summarise

In a nutshell / To conclude / In conclusion

Những cụm từ này thường đặt ở đầu câu để đưa ra tóm tắt cho những gì ta vừa nói hoặc viết ra.

* Sequencing ideas (sắp xếp các ý tưởng theo trình tự)

The former, ... the latter (vấn đề trước), ... (vấn đề sau)

Firstly, secondly, finally (đầu tiên là, hai là, cuối cùng là)

The first point is (điểm thứ nhất là) / Lastly (cuối cùng) / The following (sau đây)

The former và the latter được dùng khi bạn muốn đề cập một trong hai ý.

Ví dụ: Marketing and finance are both covered in the course. The former is studied in the first term and the latter is studied in the final term. / Tiếp thị và tài chính đều được gói gọn trong khóa học này. Môn đầu được học ở học kỳ đầu và môn sau được học trong kỳ cuối.

Firstly, ... secondly, ... finally (hoặc lastly) được dùng để liệt kê các ý. Hiếm khi chúng ta dùng "fourthly", hoặc "fifthly". Thay vào đó là dùng the first point, the second point, the third point và vân vân.

* The following là cách hay để bắt đầu một chuỗi liệt kê. Ví dụ: The following people have been chosen to go on the training course: N Peters, C Jones and A Owen. / Những người sau đây đã được chọn để tiếp tục khóa học đào tạo: N Peters, C Jones và Owen.

7. Bài tập về từ nổi tiếng anh:

Bài tập 1: Điền vào chỗ trống với các từ sau: although, and, because, but, or, since, so, unless, until, when.

1. Things were different I was young.



2. I do it I like it.
3. Let us wait here the rain stops.
4. You cannot be a lawyeryou have a law degree.
5. She has not called she left last week.
6. I saw him leaving an hour two ago.
7. This is an expensive very useful book.
8. We were getting tired we stopped for a rest.
9. He was angry he heard when happened.
10. Walk quickly you will be late.
11. He had to retire of ill health.
12. We will go swimming next Sunday it's raining.
13. I heard a noise I turned the light on.
14. Would you like a coffee tea?

Bài tập 2: Viết lại những câu sau đây dùng liên từ thích hợp

1. We know him. We know his friends.
2. The coat was soft. The coat was warm.
3. It is stupid to do that. It is quite unnecessary.
4. I wanted to go. He wanted to stay.
5. Your arguments are b. They don't convince me.
6. You can go there by bus. You can go there by train.
7. I was feeling tired. I went to bed when I got home.

ĐÁP ÁN

Bài 1:

1. when. 2. because. 3. until. 4. unless 5. since. 6. or. 7. but. 8. so. 9. when. 10. or. 11. because. 12. unless 13. so. 14. or

Bài 2:

We know him and his friends.

The coat was both soft and warm.

It is stupid and quite unnecessary to do that.

I wanted to go but he wanted to stay.

Your arguments are b but they don't convince me.

You can go there either by bus or by train.

I was feeling tired so I went to bed when I got home.



Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường *PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An* và các trường Chuyên khác cùng *TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn.*

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học và Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: *TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn* cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

*HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí*

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.